

NAM TRUNG TẬP NGÂM

Sóng Việt Đàm Giang phỏng dịch

THỜI KỲ LÀM QUAN Ở QUẢNG BÌNH VÀ HUẾ (1804- 1814)

Nam Trung Tập Ngâm gồm 40 bài Nguyễn Du làm trong thời gian giữ chức quan ở Phú Xuân và Quảng Bình rồi lại trở về Phú Xuân, từ năm 1804 cho đến năm ông qua đời (1820), là 16 năm. Tập thơ này xuất hiện trong bản dịch của cụ Lê Thước, sau khi cụ Lê Thước có được bản sao chụp gồm 40 bài thơ qua thuộc quyền sở hữu của cụ Hoàng Xuân Hãn ở Pháp.

Năm 1804, Nguyễn Du cáo bệnh, xin về hưu, từ quan, nhưng chỉ được có hơn một tháng thì có chỉ vua triệu vào cung giữ chức Đông các điện học sĩ, nên đành phải đi. Bài *Phượng Hoàng lộ thượng tảo hành* làm lúc lên đường trẩy kinh (tháng giêng năm Ất Sửu, 1805).

Việc làm quan với Nguyễn Du chỉ là chuyện mưu sinh chứ không phải là chuyện công danh. Đời sống của ông rất thanh bạch. Thời gian làm Bộ chánh ở Quảng Bình, gia phả chép: “Phàm những việc trong hạt, như lính tráng, dân sự kiện thưa, tiền nong, lương thực, và các hạng thuế, ông đều bàn bạc thương lượng với các quan lưu thủ, ký lục để thi hành. Chính sự giản dị, không cần tiếng tăm nên được sĩ phu và nhân dân quý mến”.

Mặc dù vậy ông “thường bị quan trên quở trách nên lấy làm uất ức, bất chí”. Điều ấy được phản ánh vào những bài thơ trong tập này. Trong tình cảnh làm quan không mấy toại ý, nên Nguyễn Du lại ao ước về nhà ăn uống đạm bạc, làm bạn với hươu nai; quanh đi quẩn lại giống như thời ở Thái Bình và làm quan ở Bắc Hà.

Qua hai tập thơ chữ Hán, *Thanh Hiên thi tập* và *Nam Trung tập ngâm*, chúng ta hiểu thêm hơn về thân thế và tình cảm của Nguyễn Du.

79 /249

PHƯỢNG HOÀNG LỘ THƯỢNG TẢO HÀNH

Chinh phu hoài vãng lộ
Dạ sắc thượng mộng mộng
Nguyệt lạc viên thanh ngoại
Nhân hành hổ tích trung
Lực suy thường úy lộ
Phát đoản bất cảm phong
Dã túc phùng tiêu giả
Tương liên bất tại đồng

SÁNG ĐI TRÊN ĐƯỜNG PHƯỢNG HOÀNG

Thân người đi mãi đường xa
Sắc đêm cao thẳm thật là mênh mang
Ngoài thành vườn hủ trắng tà
Ngang vùng chân hồ vết tàn còn lưu
Sợ đường sức lực kém dần
Ngại thêm gió thổi tóc đầu ngăn trở
Quán trọ gặp được tiêu phu
Cảm thương nhau xá phải chung cảnh tình

Chú thích:

Phượng Hoàng: từ tỉnh lỵ Hà Tĩnh đi vào có núi Phượng Hoàng và quán Phượng Hoàng. Năm Giáp Tí 1804 Nguyễn Du bị bệnh xin từ chức về quê nghỉ. Được hơn một tháng thì có chỉ gọi vào kinh. Bài này có thể làm trên đường vào kinh lần ấy.

80/249

MỘNG ĐẮC THÁI LIÊN

Khẩn thúc giáp điệp quân (1)
Thái liên trạo tiêu đình
Hồ thủy hà xung dung
Thủy chung hữu nhân ảnh

81/249

II

Thái, thái Tây hồ liên
Hoa, thực câu thương thuyền
Hoa dĩ tặng sở úy
Thực dĩ tặng sở liên

82/249

III

Kim thần khứ thái liên
Nãi ước đông lân nữ (2)
Bất tri lai bất lai
Cách hoa văn tiểu ngữ

83/249

IV

Công tri liên liên hoa
Thủy gia liên liên cán?

Kỳ trung hữu chân ty
Khiên liên bất khả đoạn

84/249

V

Liên điệp hà thanh thanh
Liên hoa kiều doanh doanh
Thái chi vật thương ngẫu
Min niên bất phục sinh

CHIÊM BAO THẤY HÁI SEN

I

Xấn quần cánh bướm cho gọn gàng
Chèo chiếc thuyền xinh để hái sen
Mặt hồ sóng nước tràn lai láng
Dưới nước ẩn in bóng người mang

II

Hái, hái hoa Sen tại hồ Tây
Hoa, gương đều hái bỏ lên thuyền
Hoa này tặng kẻ mình kính phục
Còn gương mang tặng kẻ thân tình

III

Sáng nay đi hái đóa hoa sen
Hẹn cô hàng xóm cùng đi với
Chưa biết có đến hay không đây?
Chợt vọng qua hoa tiếng nói cười

IV

Hoa sen thì ai cũng thích
Còn cuống có mấy ai ưa?
Trong cuống ẩn những sợi tơ
Bền dai không hề đứt đoạn

V

Lá cây sen thì xanh xanh
Bông hoa sen thì mơn mớn
Hái sen nhớ nương nhẹ ngó
Kèo năm sau hoa không mọc

Chú thích:

Bài này sáng tác thời làm quan với nhà Nguyễn, năm mơ thấy hái sen ở Hồ Tây hồi còn trẻ sống ở Thăng Long

(1) Giáp điệp quân: quân bay phấp phới như cánh bướm

(2) Có sách nói rằng “cô hàng xóm” trong bài thơ này là Hồ Xuân Hương, dựa theo một bài thơ coi như lưu bút của Hồ Xuân Hương, đó là bài thơ nôm gửi “Cần Chánh Điện Học Sĩ Nguyễn Hầu”

85/249

THU CHÍ

Hương giang nhất phiến nguyệt (1)

Kim cô hứa đa sầu

Vãng sự bi thanh trũng

Tân thu đảo bạch đầu

Hữu hình đồ dịch dịch

Vô bệnh cố câu câu (2)

Hồi thủ Lam giang phố

Nhàn tâm tạ bạch âu

THU ĐẾN

Mảnh trăng trên sông Hương

Gợi mối sầu xa xưa

Mộ xanh cảm chuyện cũ

Thu mới thêm bạc đầu

Có thân lặn vì thân

Không bệnh vẫn lom khom

Nhìn lại bến Lam Giang

Lòng nhàn phụ âu trắng

Chú thích:

(1) *Hương Giang*: tên con sông nổi tiếng chảy qua thành phố Huế, ra cửa Thuận An Mùa Xuân năm Ất Sửu (1805), ND được thăng làm Đông Các điện học sĩ, tước Du Đức Hầu, và làm việc tại kinh đô Huế.

(2) *Câu câu*: bệnh gù lưng, Nguyễn Du ý nói làm quan cứ phải khúm núm, lom khom giống như bị gù lưng không thẳng được, ngậm ngùi vì muốn nhàn mà không được.

86/249

ĐIỆP KHUYỀN

Tuần mã bất lão tử
Liệt nữ vô thiên chung
Phàm sinh phụ kỳ khí
Thiên địa phi sở dung
Niêm nhĩ thuộc thổ súc
Dữ nhân mao cốt đồng (1)
Tham tiến bất tri chi
Vấn thân hàn sơn trung
Vấn thân vật thán uyển
Sổ thí vô toàn công

THƯƠNG CON CHÓ

Ngựa tài không chết già
Nữ danh không chết bệnh
Phàm sinh phú oai hùng
Trời đổ kỹ không dung
Vật nhà cùng một loài
Lông xương cùng một giống
Ứng tiến không biết lùi
Bỏ thân trong núi lạnh
Bỏ thân chẳng nên oán
Thử nữa cũng hoài công

Chú thích:

(1) Ý câu này giống như câu “*Mao cốt khởi thù chúng*” (lông và xương cũng giống như những con ngựa khác) trong bài *Bạch mã* của Đỗ Phủ. Bởi vậy nên hiểu chữ *nhân* ở đây như chữ *chúng*.

87/249

NGÃU THU' CÔNG QUÁN BÍCH Tam Thủ

I

Triêu san nhất vu phạm
Mộ dục nhất bồn thủy
Bế môn tạ tri giao
Khai song kiến kinh kỹ
Song ngoại kinh kỹ mạn thả trường
Mỹ nhân du du cách cao tường
Đỗ vũ nhất thanh xuân khứ hĩ (1)
Hồn hề! quy lai! bi cố hương!

NGÃU ĐỀ VÁCH NHÀ CÔNG I

Sớm lùa một bát cơm
Chiều tắm một chậu nước
Đóng cổng phụ lòng khách
Mở cửa ngắm cây gai
Ngoài cửa lan tràn cây gai mọc
Người đẹp xa vời cách tường cao
Chim cuốc kêu sầu báo xuân tận
Hồn ơi! hãy về! buồn quê xưa!

Chú thích:

(1) Câu này vốn khuyết hai chữ, có lẽ nhà thơ dùng câu thơ cổ “*Đỗ vũ nhất thanh xuân khí hĩ*”.

88/249

NGÃU THU' CÔNG QUÁN BÍCH II

Xương hạp môn tiền xuân sắc lan
Cách giang san đối Ngự Bình san (1)
Xuân tông giang thượng hà lai xứ
Nhân ý thiên nhai trê nhất quan
Mãn địa phồn thanh man dạ vũ
Nhất sàng cô muộn địch xuân hàn
Đào hoa mạc trượng đông quân ý (2)
Bàng hữu phong di tính tối toan (3)

NGÃU ĐỀ VÁCH NHÀ CÔNG II

Trước cửa điện vua xuân sắp tàn
Biệt sông, đối núi Ngự Bình xa
Xuân theo dòng nước về đâu đó
Người dựa theo trời bởi chức quan
Đất đầy đêm mưa nghe nhộn nhịp
Một giường cô quạnh lạnh khí xuân
Hoa đào chớ ý xuân che chở
Thân gió ghen tuông chực kẻ bên

Chú thích:

(1) *Ngự Bình san*: quả núi cách kinh thành Huế chừng năm cây số về phía nam; từ trong thành trông ra giống như bức bình phong đặt trước nơi vua ngự.

(2) *Đông quân*: thần mặt trời, hoặc thần phương đông. Cũng có nghĩa là thần coi mùa xuân. Trong bài dùng theo nghĩa chúa xuân
(3) *Phong di*: di gió, có nghĩa là thần gió

89/249

NGÃU THU CÔNG QUÁN BÍCH III

Đông vọng giang đầu vọng cố giao
Phù vân vô định thủy thao thao
Phong xuy cổ trủng phù vinh tận
Nhật lạc bình sa chiến cốt cao
Sơn nguyệt giang phong như hữu đãi
Nham thê cốc ẩm bất từ lao
Bình sinh dĩ tuyệt vân tiêu mộng
Phạ kiến bàng-phân vấn vũ mao (1)

NGÃU ĐỀ VÁCH NHÀ CÔNG III

Đầu sông ngoảnh đông ngóng quê hương
Thấy toàn mây nổi nước tuôn giòng
Gió thổi mờ xưa vĩnh viễn cận
Chiều rơi bãi cát chiến cốt chồng
Trăng núi gió sông dường có hẹn
Nhà thô nước suối chẳng nề hà
Nay thì đã dứt mây cao mộng
Vi e người hỏi cánh lông nào

Chú thích:

(1) Câu này ý nói mình là con cháu những người trước kia phục vụ nhà Lê, nay làm quan với nhà Nguyễn, nên không có người nâng đỡ.

90/249

TỔNG NHÂN

Hương Cần quan đạo liễu thanh thanh (1)
Giang bắc giang nam vô hạn tình
Thượng uyên oanh kiều đa đố sắc (2)
Cổ hương thuần lão thượng kham canh
Triều đình hữu đạo thành quân hiếu (3)
Trúc thạch đa tâm phụ nhĩ minh
Trù trưởng thâm tiêu cô đối ảnh
Mãn sàng trê vũ bất kham thính

TIỀN BẠN

Đường qua Hương Càn liễu xanh xanh
Kẻ bắc người nam chí tình thân
Vườn vua oanh diễm ghen nhau sắc
Thuần già quê cũ ngon tô canh
Ơn triều đình giúp ông tròn hiếu
Trúc đá tôi thẹn lỗi cũng đành
Ngâm ngủi canh khuya riêng đối bóng
Bên giường mưa mãi dạ trông trăng

Chú thích:

- (1) *Hương Càn*: tên một làng cách kinh thành Huế chừng 4 km về phía bắc. Đường quan ra bắc đi qua đó.
- (2) *Thuợng uyển*: vườn hoa của vua, đây ý chỉ triều đình.
- (3) Theo ý câu thơ này thì người bạn của Nguyễn Du làm quan ở kinh được vua cho cáo quan về phụng dưỡng cha mẹ già.

91/249

NGÃU HỨNG

Ngũ Thủ

I

Tam nguyệt xuân thì trường đậu miêu
Hoàng hồ phì mãn bạch hồ kiêu
Chủ nhân tại lữ bất quy khứ
Khả tích Hồng Sơn thuộc văn kiêu

I

Xuân tháng ba mầm đậu trở nhiều
Cáo vàng hổ trắng béo thêm kiêu
Chủ nhà xa mãi chưa về được
Tiếc đê Hồng Sơn tay bác tiều

92/249

II

Lô hoa sơ bạch, cúc sơ hoàng
Thiên lý hương tâm dạ cộng trường
Cưỡng khởi thôi song vọng minh nguyệt
Lục âm trùng điệp bất di quang

II

Hoa lau chớm trắng, cúc chớm vàng
Thương quê ngàn dặm lòng xốn xang
Ráng mở cửa ra tìm trăng sáng
Tối chum bát ngát chẳng lọt trăng

93/249

III

Nhất đại ba tiêu lục phúc giang
Bán gian yên tỏa tạp trần ai
Khả liên đình thảo sam trừ tận
Tha nhật xuân phong hà xứ lai?

III

Một rặng chuối xanh phủ ngợp sân
Căn nhà khói, lửa, bụi đóng trần
Tiếc cho cỏ trước sân trụi hết
Biết có lối nào đón gió xuân?

94/249

IV

Cổ hương cang hạn cứu phương nông
Thập khẩu hài nhi thái sắc đồng (1)
Thí tự thuần lô tối quan thiết (2)
Hoài quy nguyên bất đãi thu phong (3)

IV

Quê hương hạn hán hại việc nông
Mười miệng trẻ thơ sắc đói cùng
Rau thuần cá vược mà nhớ quá
Cứ về cần chi gió thu trong

Chú thích:

(1) *Thập khẩu hài nhi*: theo gia phả thì người vợ đầu của Nguyễn Du, con gái Đoàn Nguyễn Thục, chỉ sinh được một người con trai, tên là Nguyễn Tứ, năm Quý Dậu theo cha đi Trung Quốc, về nhà được mấy tháng thì mất. Bà vợ kế họ Võ, sinh được một người con trai tên Nguyễn Ngũ. Lại còn có bà vợ thiếp sinh được mười trai, sáu gái.

(2) *Thuần lô*: rau thuần, cá vược. Ngày xưa ở nước Tần có người tên là Trương Hàn đi làm quan xa, gặp gió thu, nhớ rau thuần, cá vược ở quê nhà mà bỏ quan về.

Thuần: (hay chún) tên một loại cây mọc trong chỗ nước cạn, lá hình bầu dục, dùng để nấu canh.

Lô: cá vược, hay cá lú là loài cá biển, mình dẹt màu trắng có chấm đen, đầu to vảy nhỏ, phần trước mang giống như răng cưa, vị rất ngon (cũng thường đọc là lư)
(3) Hai câu cuối bài thơ tỏ ý tác giả muốn cáo quan về ngay không cần đợi có gió thu, nhớ rau thuần cá vược, mới nghĩ đến chuyện về.

95/249

V

Hữu nhất nhân yên lương khả ai
Phá y tàn lạp sắc như hồi
Tị nhân đàn mạch đạo bàng tẩu
Tri thị Thăng Long thành lý lai

V

Có một người vẻ thật đáng thương
Da sạm tro, áo nón rách bươm
Tránh người đi rảo bên mé lộ
Ra người Thăng Long mới về thành.

96/249

NGÃU ĐỀ

Bạch địa đình trì dạ sắc không
Thâm đường tiêu tiêu há liêm lung
Đình đông châm chữ thiên gia nguyệt
Tiêu tác ba tiêu nhất viện phong
Thập khẩu đề cơ Hoàng-lĩnh bắc
Nhất thân ngoại bệnh đế thành đông (1)
Tri giao quái ngã sàu đa mộng
Thiên hạ hà nhân bắt mộng trung?

NGÃU ĐỀ

Đất đình trắng toát đêm lặng tanh
Nhà sâu buồn bã thả lơ màn
Tiếng chày nện rộn trắng ngàn nóc
Lao xao tàu chuối gió trước sân
Mùi miệng đói dài bắc Hoàn Sơn
Mình ta nằm bệnh liệt thành đông
Bạn trách ta cứ phiền cùng mộng
Là người ai tránh được mộng mơ?

Chú thích:

Đế thành đông: phía đông đế thành tức thành Huế. Nguyễn Du được thăng Hàm Đông các điện học sĩ từ năm 1805 đến năm 1809 thì có chỉ bổ làm chức cai bạ dinh Quảng Bình.

97/249

THỦY-LIÊN ĐẠO TRUNG TẢO HÀNH (1)

Bi mặc bi hề hành đạo nan
Thảo đầu lộ túc phạm suy nhan
Bách niên cổ đạo giai thành hác
Nhất đài bình lâm bất kiến san (2)
Đa bệnh nhất thân cung đạo lộ
Ngũ canh tàn mộng túc hương quan
Ngẫu phùng quý khách hương dư thoại (3)
Tạc tuế triều thiên xạ phóng hoàn (4)

ĐI SỚM TRÊN ĐƯỜNG THỦY-LIÊN

Thương cho đi đường nhỏ gian nan
Cỏ ngập sương phơi sắc phai tàn
Trăm năm đường cổ thành ngòi lạch
Núi đâu chẳng thấy, phẳng rừng bằng
Một thân nhiều bệnh trải đường xa
Canh năm tàn mộng nhớ quê nhà
Tình cờ gặp khách nghe kể chuyện
Năm trước châu vua nay được về

Chú thích:

(1) *Thủy Liên*: ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trước kia có tổng Thủy Liên, không biết có phải nhà thơ tả chặng đường thuộc tổng ấy không?

(2) *Bình Lâm*: trong bài thơ chép chữ lâm là tới. Nghi sai. Chúng tôi tạm thay chữ lâm là rừng cho thông nghĩa.

(3) *Dư thoại*: trong bài thơ chép là trà thoại, không có nghĩa. Nghi là dư thoại.

(4) *Phóng*: quan ở kinh đô được bổ ra ngoài.

98/249

TÂN THU NGẪU HỨNG

Giang Thành nhất ngoại duyệt tam chu (1)
Bắc vọng gia hương thiên tận đầu
Lệ Thủy Cầm Sơn giai thi khách (2)
Bạch vân hồng thụ bất thăng thu
Thử thân dĩ tác phàn lung vật

Hà xứ trùng tâm hãn mạn du?
Mạc hướng thiên nhai thán luân lạc
Hà nam kim thị đế vương chu (3)

ĐÀU MÙA THU NGẪU HỨNG

Giang Thành năm mãi ba năm rồi
Ngóng bắc quê nhà cuối tận trời
Lệ Thủy Cẩm Sơn ta là khách
Mây trắng cây hồng sắc thu tươi
Thân ta như vật bị nhốt lồng
Đâu còn phóng khoáng thỏa chơi rong
Nhìn phía chân trời than chi nữa
Cũng đất nhà vua phía nam sông

Chú thích:

- (1) *Giang Thành*: ngôi thành ở bên sông, đây chỉ thành Đông Hải bên sông Nhật Lệ, tức là tỉnh thành Quảng Bình ngày nay. Tại nơi đây Nguyễn Du làm cai bạ gần bốn năm, từ năm 1809 đến năm 1813. Như vậy bài này làm vào năm 1811.
(2) *Lệ Thủy, Cẩm Sơn*: tên sông và tên núi thuộc tỉnh Quảng Bình
(3) *Hà Nam*: phía nam sông, tức từ sông Nhật Lệ trở vào Nam.

99/249

DẠ TỌA

Tứ bích cùng thanh não dạ miên
Ái sàng di hướng khúc lan biên
Vi phong bất động sương thùy địa
Tà nguyệt vô quang tinh mãn thiên
Kim cô nhân sâu lai túy hậu
Thuần lô hương tứ tại thu tiên
Bạch đầu sở kế duy y thực
Hà đắc cuồng ca tự thiếu niên!

ĐÊM NGỒI

Bốn vách trùng reo ngủ không yên
Chuyển giường gần đến cửa song bên
Gió nhẹ cũng ngừng sương sa đất
Trăng tà trời sao sáng vô biên
Rượu vào thêm sâu chuyện mới cũ
Nhớ rau nhớ cá chẳng chờ thu
Bạc đầu cũng chuyện lo cơm áo

Ca nông ngày trẻ há được ư!

100/249

TẶNG NHÂN

Doanh doanh nhất thủy giới cô thôn
Trung hữu cao nhân bất xuất môn
Tiêu lộc mộng trường tâm bất cạnh (1)
Tần Tuy vãng sự khâu năng ngôn
Xuân vân mãn kính quần my lộc
Thu đạo đấng trường đốc tử tôn
Ngã dục quải quan tòng thử thế (2)
Dữ ông thọ tuệ lạc cầm tôn

TẶNG BẠN

Trong thôn xóm vắng cạnh sông xinh
Có kẻ học cao tự khóa mình
Mộng "tiêu lộc" đó lòng đã nguôi
Chuyện cũ Tần Tuy chẳng lặng thình
Mây xuân đây núi hươu làm bạn
Đồng thu ruộng ngắt nhắc nhớ con
Treo mũ về quê lòng tôi muốn
Cùng ông vui lão rượu đàn chơi

Chú thích:

(1) *Tiêu lộc mộng*: giấc mơ lấy lá chuối giấu hươu. Sách liệt tử chép: Có người hái củi, thấy hươu chạy, đón đánh chết, sợ người ta thấy, đem giấu vào hang, lấy lá chuối phủ kín, sau quên không biết giấu nơi nào, rồi cho là mình đã chiêm bao
(2) *Quải quải*: treo mũ, nghĩa là từ quan. Đời nhà Hán có người tên là Phùng Minh, thấy Vương Mãn giết con, bèn nói: "Tam cương đã tuyệt, mình không bỏ đi thì sẽ mắc vạ". Liên đó, cởi mũ treo ở cửa thành đem vợ con trốn ra bể. Về sau người ta dùng hai chữ "quải quải" để nói việc từ quan về nhà.

101/249

TÁI THỨ NGUYỄN VẠN

Trạm nguyên lưu thủy phát sơn thôn (1)

Nhật Lệ triều đầu dững hải môn (2)
Thanh Vị trọc Kinh đồng bát túc (3)
Hoàn hoa lục trúc lưỡng vong ngôn (4)
Tuế thu truật mẽ kham cung khách
Thiên giả từng niên cập bão tôn
Phù thể kỷ kinh tang lỗ biến
Sàn đầu y cụu tửu doanh tôn

HỌA THEO BÀI TRƯỚC TẶNG BẠN

Nước sông Trạm nguồn từ núi xinh
Nước sông cửa Lệ biển vỗ mình
Vị Kinh trong đục giòng chảy miết
Vàng hoa, xanh trúc đều lững thình
Lúa nếp hàng năm dư đãi khách
Trời cho tuổi lão có cháu đàn
Cuộc thế biến đổi dâu hóa muối
Đầu giường như trước rượu vẫn tràn

Chú thích:

- (1) *Trạm nguyên*: sông Trạm thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- (2) *Nhật Lệ*: tên một con sông phát nguyên từ dãy Trường Sơn quan tỉnh lỵ Quảng Bình chảy ra cửa Nhật Lệ
- (3) *Vị, Kinh*: tên hai con sông ở phía tây bắc Trung Quốc, thuộc phần đất hai tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây Nước sông Vị trong, nước sông Kinh đục, khi nước hai sông nhập làm một, thì trong đục chia nhau rõ rệt, do đó người ta dùng hai tiếng Kinh Vị để gọi ý trong đục khác nhau
- (4) *Hoàng hoa, lục trúc*: hoa vàng, trúc xanh chỉ bạn và mình.

102/249

TẠP NGÂM

Bạch vân sơ khởi Lệ Giang thành (1)
Thử khí tài thu, thiên khí thanh
Thành ngoại sơn sơn giai mộ sắc
Giang đầu thụ thụ các thu thanh
Tha hương bạch phát lão bất tử
Tạc tuế hoàng hoa kim cánh sinh
Vị ngã Hồng Sơn tạ từng thạch
Tái vô diện mục kiến đồng minh

VIẾT CHƠI

Trên thành sông Lệ mây trắng giăng
Hơi nắng vừa hết khí thu sang
Ngoài thành núi núi sắc chiều nhuốm
Đâu sông cây cối tiếng thu vang
Xa quê đâu bạc già còn sống
Cúc vàng năm trước lại nở rồi
Tạ từ non Lĩnh giùm ta nhé
Mặt nào nhìn lại bạn cùng thời.

Chú thích:

(1) *Lệ Giang thành*: bức thành bên sông Nhật Lệ, tức là tỉnh thành Quảng Bình.

103/249

GIANG ĐÀU TẢN BỘ

I

Tản phát cuồng ca tứ sở chi
Lục tần phong khởi, tịch dương vi
Bạch vân lưu thủy đồng vô tận
Ngư phủ phù âu lưỡng bất nghi
Vô lụy vị ung chiêu quỷ trách (1)
Bất tài đa khủng tốc quan phi (2)
Niên niên thu sắc hồn như hử
Nhân tại tha hương bất tự tri

DẠO CHƠI ĐÀU SÔNG

Xõa tóc hát sằng bước lạnh quanh
Trong chiều gió động đám rau xanh
Mây trắng nước trôi vẫn còn mãi
Chim âu, ngư phủ chung lòng thành
Không lụy người chẳng e quỷ trách
Kém tài nên khiếp việc quan sai
Hàng năm thu sắc vẫn thế cả
Chỉ khách tha phương không biết hoài

Chú thích:

(1) *Quỷ*: ở đây chỉ những người ác

(2) Đại Nam chính biên liệt truyện chép: "Khi ra làm quan ông thường bị quan trên quở trách nên lấy làm uất ức, bực trí". Có lẽ là nói thời kỳ này.

104/249

II

Xúc ca thanh đoản mạn thanh trường
Bạch phát tiêu tiêu cổ đạo bàng
Tế giản thủy thanh lưu tích vũ
Bình sa nhân ảnh tại tà dương
Quyên ai mạc báo sinh hà bổ (1)
Nhi nữ thành quần tử bất phương
Hồi thủ cố hương thu sắc viễn
Hoành sơn vân thụ chính thương thương

DẠO CHƠI ĐÀU SÔNG

II

Nhanh chậm ngắn dài tiếng ca đưa
Tóc bạc phơ phơ dạo lối xưa
Nước mưa lạch nhỏ reo róc rách
Chiều soi trên cát bóng người qua
Hưởng ơn chưa đáp sông lây lắt
Trai gái cả đàn chết cũng cam
Ngoảnh nhìn quê cũ đường xa lắt
Hoành sơn xanh mát núi cùng cây.

Chú thích:

(1) *Quyên ai*: quyên là giọt nước, ai là hạt bụi. Nghĩa bóng là mây may. Đỗ Phủ có câu thơ *Vị hữu quyên ai đáp thành triều* (chưa báo đáp được nhà vua một mây may).

105/249

NGÃU ĐẮC

Cô thành nhật mộ khởi âm vân
Thanh thảo man man đảo hải tần
Khoảng dã biến mai vô chủ cốt
Thù phương độc thác hữu quan thân
Sự lai đồ lệ giai kiêu ngã
Lão khứ văn chương diệc tị nhân
Vọng ngoại Hồng Sơn tam bách lý
Tương tòng há xú vấn tiền lân

TÌNH CỜ LÀM ĐƯỢC THƠ

Chiều về mây phủ thành vắng tanh
Cỏ mướt trải dài đến biển xanh
Đồng hoang xương lấp mộ vô chủ
Chốn xa cô quạnh một thân quan
Khi có việc nghênh ngang nha chức

Thân già vẫn chương cũng lánh xa
Ngóng núi Hồng ngoài ba trăm dặm
Xóm cũ nơi nào biết hỏi thăm.

106/249

PHÁO ĐÀI (1)

Nam bắc xa thư khánh đại đồng (2)
Pháo đài hư thiết thổ thành đông
Sơn băng thạch liệt thành do tráng
Hán đoạt Tần tranh sự dĩ không (3)
Tạc giả đại khuy sinh vật đức
Nhĩ lai bất quý sát nhân công
Thanh bình thì tiết vô tranh chiến
Nguu độc ưu sừ chính trọng nông

PHÁO ĐÀI

Nam Bắc, xe, chữ cận hòa đồng
Pháo đài bỏ vắng đất thành đông
Núi lở, đá tan thành còn vững
Hán Tần tranh chấp rồi cũng xong
Ngay trước tồn đức lành muôn vật
Thời nay chém giết hết là công
Thời bình chiến tranh không còn nữa
Trâu bò cấy cuốc trọng nghề nông.

Chú thích:

(1) *Pháo đài*: đây chỉ pháo đài đặt ở Lũy Thầy trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Khi Nguyễn Du làm cai bạ Quảng Bình thì việc phân tranh đã chấm dứt, pháo đài tuy còn, nhưng không cần đến nữa.

(2) *Xe thư đại đồng*: xe cùng cỡ, chữ viết cùng thể, do câu sách trung dung: “Xa đồng quỹ, thư đồng văn”, chỉ đất nước được thống nhất.

(3) *Hán Tần*: chỉ Trịnh Nguyễn.

107/249

THÀNH HẠ KHÍ MÃ

Thùy gia lão mã khí thành âm
Mao ám bì can sáu bất cảm
Thạch lũy thu hàn kinh thảo đoản
Sa trường nhật mộ trận vân thâm
Cơ lai bất tác cầu nhân thái

Lão khừ chung hoài báo quốc tâm
Nại đắc phong sương toàn nhĩ tính
Mạc giao ky trập tái tương xâm

CON NGỰA BỎ Ở CHÂN THÀNH

Ngựa già nhà ai cạnh chân thành
Lông sạm, da bọc xương gầy xanh
Lối đá cỏ thu lạnh xơ xác
Xa xa chiều xuống mây vờn quanh
Bụng có đói chẳng cần ai giúp
Thân tuy già vẫn giữ lòng trung
Đã quen sương gió trời cho tính
Chớ lại để thân nịt đai cương.

108/249

VỌNG THIÊN-THAI TỰ

Thiên-thai sơn tại đế thành đông (1)
Cách nhất điều giang tự bất thông
Cổ tự thu mai hoàng diệp lý,
Tiên triều tặng lão bạch vân trung
Khả liên bạch phát cung khu dịch
Bất dữ thanh sơn tương thủy chung
Ký đắc niên tiền tặng nhất đảo
Cảnh-Hung do quái cụ thời chung (2)

108/249

TRÔNG LÊN CHÙA THIÊN THAI

Núi Thiên-thai thành Huế phương đông
Khó tới lui cách một giòng sông
Chùa xưa lá thu vàng phủ kín
Triều cũ tặng già bạc mây bông
Thương mình đầu bạc còn long đong
Trung nghĩa chưa tròn cùng núi sông
Nhớ lại năm trước từng thăm viếng
Cảnh-Hung thời cũ còn treo chuông.

Chú thích:

- (1) *Thiên Thai sơn*: núi Thiên Thai ở phía đông thành Huế
(2) *Cảnh-Hung*: niên hiệu Lê Hiến Tông (1740- 1786).

Câu thơ này (còn thấy treo quả chuông thời Cảnh Hưng) chỉ là một câu thơ hoài cổ.

109/249

GIẢN CÔNG BỘ THIÊM SỰ TRẦN (1)

Thanh sơn ngoại hữu bất qui nhân (2)
Sơn Bắc sơn Nam tấn bạch vân
Thất nguyệt hựu phùng thu đảo nhãn
Thiên nhai không đái lão tùy thân
Bách niên cổ lũy yên hà hợp (3)
Nhất đái hàn sa thảo thụ phân
Ý biến lan can vô dữ ngữ
Kỷ hồi kinh tọa ức Trần Tuân (4)

GỬI ÔNG TRẦN THIÊM SỰ BỘ CÔNG I

Ngoài non xanh có kẻ chưa về
Bắc nam giảng mặc mây bốn bề
Tiết thu tháng bảy đà thấy rõ
Góc trời già cả theo rề rề
Hàng trăm năm mây tụ lũy thành
Dải cát lạnh chia lia cây cỏ
Tựa lan can chẳng người trò chuyện
Giật mình nghĩ gặp Trần trong mơ!

Chú thích:

(1) Theo câu cuối cùng thì ông Thiêm sự họ Trần này có lẽ là Trần Văn Tuân, làm tham tri Bộ Lại dưới triều Gia Long đồng thời với Nguyễn Du

(2) Tự nói mình

(3) Bài này làm lúc ở Quảng Bình cho nên mới nói đến "bách niên cổ lũy", chỉ Lũy Thầy, bức thành ở Quảng Bình, nơi xảy ra những trận đánh nhau kịch liệt giữ họ Trịnh và họ Nguyễn, cũng như giữa quân Gia Long và quân Tây Sơn.

(4) *Kinh tọa*: do tích Trần Tuân tự Mạnh Công người Hán to lớn vạm vỡ, tính mến khách thường tháo chốt xe của khách ném xuống giếng để lưu khách lại. Ông đi đến đâu ai cũng trọng vọng. Có người trùng tên cũng xưng là Trần Mạnh công mỗi khi đến nhà ai, mọi người đều kính động nhưng khi vào thì biết là không phải, do đó người ta đặt cho cái tên là "*Kinh tọa*". Câu này ý Nguyễn Du muốn nói là người mình nhớ trùng tên với Trần Tuân.

110/249

GIẢN CÔNG BỘ THIÊM SỰ TRẦN II

Thanh phong niều niều tự giang tân
Minh nguyệt thanh sơn thương hải tần
Nan đặc tương phùng như thử da
Khả liên đồng thị vị quy nhân
Âm phù tuế văn sinh tiên đồ
U thất thu hàn hiện qui lân
Dạ độc minh minh Chiêu Ân phú
Hồng Sơn tầm phụ nhất sơn vân

GỬ ÔNG TRẦN, THIÊM SỰ BỘ CÔNG II

Gió mát hiu hiu thổi từ sông
Trăng sáng núi xanh hướng bể trông
Gặp nhau như đêm nay thật khó
Thân phận đôi ta khách tha phương
Sách Âm phù mốc nẩy mọt khôn
Nhà tôi thu rét quý dọa hồn
Bài phú Chiêu Ân đêm đọc rõ
Thẹn lòng ta phụ núi mây Hồng

Chú thích:

- (1) *Âm phù*: tức Âm phù kinh, một bộ sách cổ của Trung Quốc, nói về đạo lão, đạo tiên
- (2) *Chiêu Ân phú*: chỉ bài phú Chiêu Ân sĩ của học trò Hoài Nam Tiểu Sơn đời Hán, đại ý hiệu triệu các bậc còn đi ở ẩn.

111/249

THU NHẬT KÝ HỨNG

Tây phong tài đáo bất quy nhân
Đồn giác hàn uy dĩ thập phân
Cổ quốc hà sơn khan lạc nhật
Tha hương thân thể thác phù vân
Hốt kinh lão cảnh kim triêu thị
Hà xứ thu thanh tac dạ văn
Tự sản bạch đầu khiếm thu thập
Mãn đình hoàng diệp lạc phân phân

NGÀY THU CẢM HỨNG

Gió tây vừa viêng khách ly hương
Thấy đà lạnh lẽo mười phần vương
Quê nhà sông núi ngày đã tắt

Đất khách thân ta gửi mây nương
Hôm nay chợt sợ cảnh già mang
Đêm qua nghe thoảng tiếng thu vang
Cười thâm đầu bạc tính toán vụng
Rơi rụng ngoài sân đầy lá vàng

112/249

SƠN TRUNG TỨC-SỰ (1)

Điệp điệp tầng loan thạch tác đôi
Yên la bỏ địa mật nan khai (2)
Hốt phùng hải thú thụ gian xuất
Tri hữu tiêu phu lâm hạ lai.
Thieu dã tân ngân thanh thảo tận
Ý sơn cự kính bạch vân thôi.
Sơn linh cố tuyệt khinh phi lộ (3)
Biển liệt nguy cương dữ hiểm nhai

TRONG NÚI TỨC SỰ

Núi cao trùng điệp đá chát đầy
Cỏ Yên La mọc chằng chịt dây
Kìa con thú hải hoảng hốt chạy
Có người hái củi dưới rừng đây
Vết cháy cỏ xanh còn dấu vết
Mây trắng ùn lên núi đường về
Thần núi cố tình ngăn khách quý
Gò cao, vách đá hiểm muôn bề

Chú thích:

(1) Trong thời gian làm quan ở Quảng Bình, ND có xin về quê nghỉ hai tháng vào mùa thu năm Nhâm thân (1812), lấy cớ về xây mộ ông Nguyễn Nễ . Bài thơ này làm vào hồi đó.

(2) *Yên la*: tên một loại cỏ dây mọc lan trên mặt đất

(3) *Khinh phi*: do câu phi mã, khinh cừu (cưỡi ngựa béo, mặc áo cừu) trong sách Luận ngữ, ý nói người phong lưu sang trọng

113/249

ĐỘ LINH GIANG

Bình sa tận xứ thủy thiên phù
Hạo hạo yên ba cô độ thu

Nhất vọng tân nhai thông cự hải
Lịch triều cương giới tại trung lưu
Tam quân cự bích phi hoàng điệp (1)
Bách chiến tàn hải ngoạ lục vu
Bắc thượng thổ dân mạc tương tị
Táp niên tiên thị ngã đông chu

QUA ĐÒ SÔNG GIANH

Tuốt xa bãi cát nước trời liền
Bến xưa thu khói sóng triền miên
Mắt nhìn sông chảy thông ra biển
Triều xưa giòng nước vạch hai bên
Ba quân thành cũ lá vàng bay
Xương tàn trăm trận cỏ xanh bày
Người dân vùng bắc chớ tị ngại
Ba mươi năm trước bạn vui vây.

Chú thích:

Linh Giang: sông Gianh, thuộc tỉnh QUẢNG BÌNH, thời xưa là con sông chia cách hai miền Nam Bắc.

(1) *Cựu Bích*: lũy cũ, chỉ Lũy Thầy.

114/249

NỀ GIANG KHẤU HƯƠNG VỌNG

Vọng vọng gia hương tự nhật biên (1)
Hoành Sơn chỉ cách nhất sơn điền
Khả liên qui lộ tài tam nhật
Độc bão hương tâm dĩ tứ niên (2)
Yến đảo thu tàn thanh nhập hải
Nề giang trào hướng bạch hàm thiên
Ngoại châu kim dữ ngô châu biệt
Khán khán nhân phong bất tự tiền

NGÓNG VỀ QUÊ HƯƠNG TỪ CỬA SÔNG NỀ

Ngong ngóng quê hương xa tít trời
Dù cách Hoành Sơn một núi thôi
Đường đi dây đó ba ngày tới
Mà ôm nỗi nhớ bốn năm rồi
Hòn Yến mùa thu xanh quyện biển
Triều lên sông Nề bạc ánh dương

Châu này khác hẳn châu ta cũ
Nhìn dân phong tục biết hai đường.

Chú thích:

Nễ Giang: tên một con sông ở phía bắc tỉnh Quảng Bình gồm đèo Ngang đi vào, tức sông Ròn

(1) *Nhật biên*: bên mặt trời, nghĩa bóng chỉ một nơi xa

(2) *Tử niên*: chỉ thời gian tác giả làm cai ba. Quảng Bình từ năm Kỷ Tị (1809) đến năm Nhâm Thân (1812). Bài thơ này làm vào cuối năm 1812.

115/249

Y NGUYỄN VẬN KÝ THANH OAI NGÔ TỨ NGUYỄN

Nhất dạ tây phong đảo hải mi
Đồng niên giao nghị thượng y y
Đại canh hữu thiết sinh trường túc (1)
Khứ quốc hà tâm lão bất quy
Tiêu khát nhật tăng Tư Mã bệnh (2)
Mệnh hồn dạ nhập Thiệu Lăng thi (3)
Lâm giang vị cảm đề Anh Võ (4)
Hoàn hữu trung nguyên nhất đại nhi (5)

HOẠ BÀI GỬI ÔNG NGÔ TỨ NGUYỄN Ở THANH OAI

Trên bờ biển một đêm gió thổi
Tình bạn đồng năm vẫn chẳng phai
Miệng lưỡi thay cày anh sống đủ
Tôi già thân đất khách vẫn trôi
Anh: tiểu đường bệnh Tương càng nặng
Tôi mộng thơ gửi Đỗ hàng đêm
Anh Võ qua sông thơ chưa đặt
Tài cao thêm kẻ đất trung nguyên.

Chú thích:

Thanh Oai: tên huyện ở Hà Đông (nay thuộc Hà Sơn Bình), quê của Ngô Tứ Nguyên (không rõ tên thật là gì).

(1) *Đại canh hữu thiết*: dùng lưỡi cày, nghĩa là dạy học trò.

(2) *Tiêu khát*: bệnh uống nhiều nước, tức bệnh đái ra chất đường. Tư Mã Tương Như mắc bệnh này

(3) *Thiệu Lăng*: tên hiệu của Đỗ Phủ, một nhà thơ lớn đời Đường (Trung quốc).

(4) *Anh Võ*: tức Anh Võ Châu, tên một bãi cát ở tây nam thành Vũ Xương, giữa sông Trường Giang. Trong bài thơ của Thôi Hiệu đề lầu Hoàng Hạc, có câu: Phương thảo thê

thê Anh Võ châu. Đây nhắc lại tích Lý Bạch thấy bài thơ Thôi Hiệu hay quá, không đề thơ nữa.

(5) Trong tập này, tác giả không ghi bài nguyên xướng.

116/249

TỔNG NGÔ NHƯ SƠN CÔNG XUẤT NGHỆ AN

Cắm La giang thượng khẩu chinh an (1)

Bát hội phi nan tích biệt nan

Bát đại kỳ văn hoa lưỡng quốc (2)

Nhất xa cao vũ nhận toàn Hoan (3)

Nhân tông đạ bạc tư vi chính

Thiên vị kiêm lê bất phóng nhân

Bắc vịnh Hồng sơn khai đức diệu

Thiên nhai cử tửu khách hương quan

TỔNG ÔNG NGÔ NHỮ SƠN RA LÀM HIỆP TRẦN NGHỆ AN

Bến Cầm lưu ngựa tiền ông đi

Gặp nhau không bỏ khó biệt ly

Văn như tám đại gia hai nước

Châu Hoan hưởng mưa vết ông đi

Bình dị tính giúp việc công chính

Cũng vì dân nên chẳng thể nhân

Trông về Hồng Lĩnh thấy sao đức

Chén rượu mừng quê xa dặm ngàn.

Chú thích:

Ngô Như Sơn: tức Ngô Nhân Tĩnh, tự Như Sơn, nguyên người Trung Quốc sang ở Gia Định, thành người Việt Nam. Ông học giỏi thơ hay. Tháng giêng năm Gia Long thứ mười (1811), ông đang làm quan tham trị Bộ Hộ ở Huế, được bổ hiệp trấn Nghệ An. Lúc đó Nguyễn Du đang làm cai bạ Quảng Bình, có thơ này tiễn ông.

(1) *Cắm La*: Không biết ở đâu, có lẽ là ở Quảng Bình, vì Nguyễn Du gặp Ngô Như Sơn ở Quảng Bình.

(2) *Bát đại kỳ văn*: tức văn chương của tám bậc đại gia Đường Tống.

Hoa lưỡng quốc: làm đẹp hai nước, chỉ nước ta và Trung Quốc

(3) Ý câu thơ nói: ông thi hành chính sách tốt, nhân dân Nghệ An được nhờ như cây cối gặp mưa. Năm ấy, dân NGHỆ Tĩnh đói kém, thuế tô, thuế điền thiếu kể tới mười vạn. Khi Nhân Tĩnh đến nơi có tâu về triều xin hoãn thu thuế.

117/249

ĐẠI TÁC CỬU THỨ TƯ QUY I

Quan ngoại thu phong tổng địch xuy
Ban Siêu đầu bạch vị thành quy
Thập niên hứa quốc quân ân trọng
Thiên lý ly gia lữ mộng trì
Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyện
Triều vân danh lợi nhân tiền phi
Lũng thiên tuế tuế qua điền thực (1)
Khổ tận lai cam thượng hữu kỳ

BÀI THƠ CỦA NGƯỜI ĐI THỨ ĐÃ LÂU CHƯA VỀ I

Ngoài ải tiếng sáo gió thu đưa
Đầu bạc chưa về Ban Siêu xưa
Ơn vua cao mười năm phụng quốc
Ngàn dặm xa giấc mộng vẫn dư
Vinh hiển gấm đêm thân như ảnh
Lợi danh ngày sớm đổi như mây
Ruộng dưa lại chín thêm lần nữa
Hết khổ đến sướng sẽ có ngày.

Chú thích:

Ban Siêu: người đời Đông Hán, đi chinh phục các nước Tây vực ở tây bắc Trung Quốc, xa nhà hơn ba mươi năm, khi già mới về.

(1) *Qua điền thực*: ruộng dưa chín. Theo *Tả truyện*: Liên xúng và Quản Chi Phủ đi thứ đất Quỷ Khâu, khi đi là mùa dưa chín, hẹn đến mùa dưa năm sau sẽ được về. Đây nói năm nào cũng dưa chín tức là đi thứ đã lâu năm chưa về.

118/249

ĐẠI TÁC CỬU THỨ TƯ QUI II

Thiên nhận Hoàn Sơn nhất đá hà
Bạch vân hồi thủ cách thiên nha (nhai)
Tân thu khí hậu thôi hàn chữ
Cổ quốc quan sơn ký dạ già
Thiên địa nhất thân trung địch hiếu
Phong trần vạn lý quốc phong gia
Nguyệt trung hoành địch thái vô lại
Bán dạ giang thành suy “Lạc hoa” (1)

BÀI THƠ CHO NGƯỜI ĐI THỨ LÂU NĂM CHƯA VỀ II

Hoành Sơn cao ngất, một dòng sông
Ngoảnh nhìn mây trắng trời xa trông

Thu về khí lạnh tiếng chày vải
Quê cũ kèn đêm gọi nhớ mong
Trời đất một thân trung thay hiếu
Ngàn dặm trần ai nước làm nhà
Đêm trăng tiếng sáo thăm sầu quá
Nửa đêm vắng khúc "Mai Rụng Hoa"

Chú thích:

(1) *Lạc hoa*: Hoa mai lạc hay Lạc mai hoa là tên một khúc dịch, điệu nã nùng, làm cho người lữ khách, chinh phu nghe mà sầu thảm, tưởng nhớ quê hương.

Sóng Việt Đàm Giang phỏng dịch

24 November 2005